

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
THANH TRA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 96 /TTr-VP

Đắk Lắk, ngày 05 tháng 4 năm 2017

V/v hướng dẫn nội dung báo cáo
theo Công văn số 2264/UBND-NC
ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh

Kính gửi:

HỎA TỐC

- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Ngày 03/4/2017, UBND tỉnh ban hành Công văn số 2264/UBND-NC về việc triển khai Kế hoạch số 975/KH-VPQH, ngày 27/3/2017 của Văn phòng Quốc hội. Theo đó, UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo gửi về UBND tỉnh (qua Thanh tra tỉnh) để tổng hợp, xây dựng báo cáo phục vụ buổi làm việc giữa UBND tỉnh với Đoàn công tác của Quốc hội.

Tuy nhiên, tại Công văn số 2264/UBND-NC ngày 03/4/2017 của UBND tỉnh và Kế hoạch số 975/KH-VPQH ngày 27/3/2017 của Văn phòng Quốc hội không quy định thời kỳ báo cáo, không hướng dẫn chi tiết nội dung báo cáo. Để việc xây dựng báo cáo đạt chất lượng theo đúng yêu cầu của Đoàn công tác của Quốc hội, Thanh tra tỉnh gửi kèm theo Công văn này bản **Đề cương báo cáo** do Ban Dân nguyện Quốc hội soạn thảo để các đơn vị làm căn cứ xây dựng Báo cáo kết quả thực hiện công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo năm 2016.

Báo cáo của các đơn vị gửi về Thanh tra tỉnh theo địa chỉ số 32 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Tân An, Thành phố Buôn Ma Thuột; đồng thời gửi file điện tử kèm theo qua địa chỉ Email: vanphong@thanhtra.daklak.gov.vn trước ngày 08/4/2017 để Thanh tra tỉnh tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Đây là công việc quan trọng, thời gian rất gấp; Thanh tra tỉnh đề nghị Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm chỉ đạo cơ quan chức năng khẩn trương triển khai thực hiện bảo đảm đúng nội dung, chất lượng, thời hạn./.

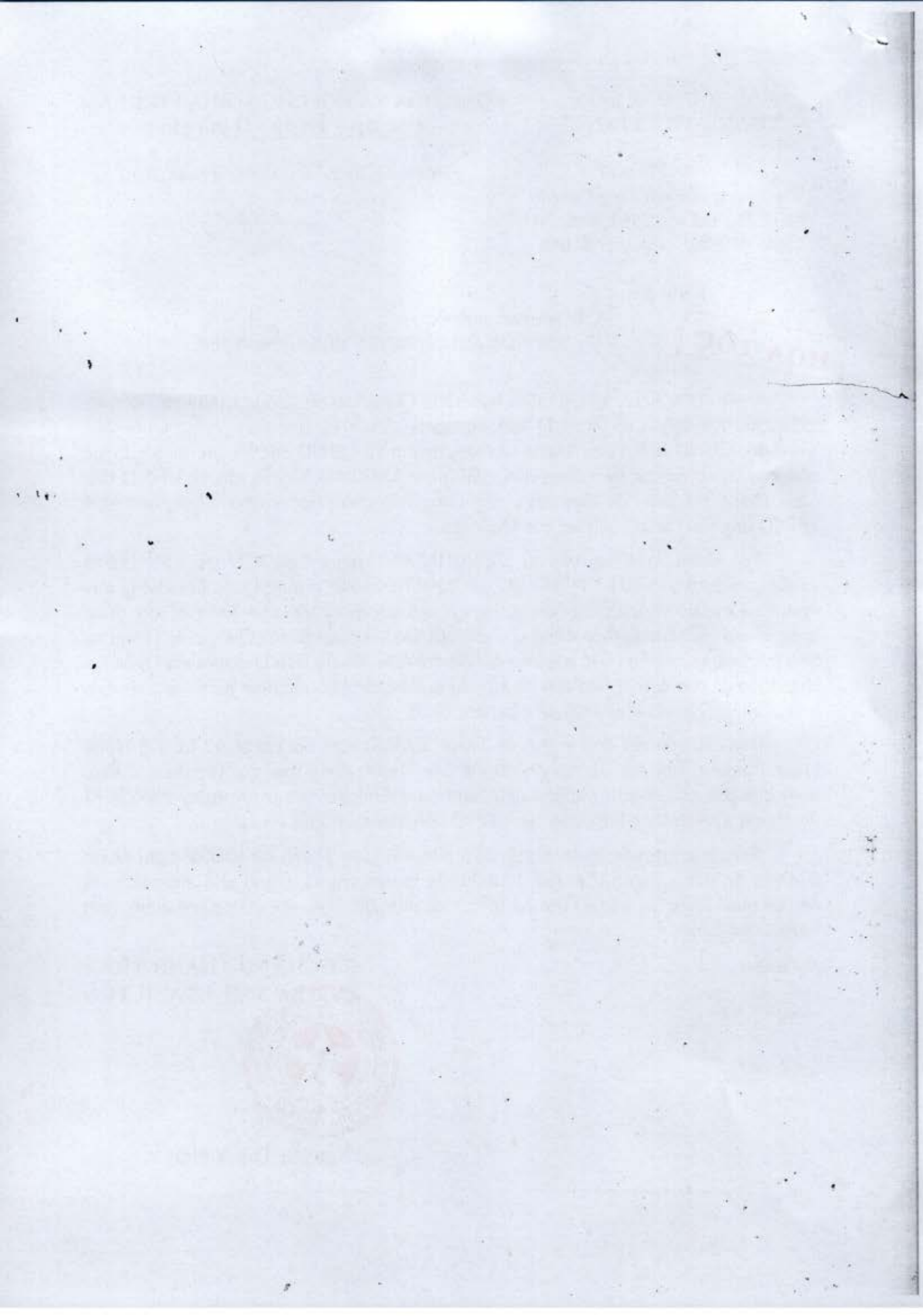
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thịnh Phát



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Kết quả tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân
(Kèm theo Công văn số 253/BDN ngày 31/3/2017 của Ban Dân nguyện)

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO (NĂM 2016)

1. Khái quát tình hình, kết quả triển khai tiếp công dân theo Luật tiếp công dân và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Khái quát tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân trong tỉnh

Nêu cụ thể về tình hình khiếu nại, tố cáo tại địa phương tăng hay giảm so với cùng kỳ; tình hình khiếu nại, tố cáo đông người, bức xúc, phức tạp tại địa phương.

3. Kết quả tiếp công dân trên địa bàn tỉnh;

- Số lượng vụ việc khiếu nại, tố cáo;

- Nội dung khiếu nại, tố cáo;

- Số vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người; vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp kéo dài;

- Số buổi Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện tiếp công dân;

4. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh

4.1. Tình hình chung về giải quyết khiếu nại, tố cáo

- Số đơn tiếp nhận: số đơn đủ điều kiện và không đủ điều kiện giải quyết

- Thụ lý giải quyết

- Số vụ việc mới phát sinh so với năm cũ

- Thẩm quyền giải quyết: số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh (nêu cụ thể số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết lần đầu của tỉnh; số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết lần 2 của tỉnh); số đơn thuộc thẩm quyền của cấp huyện; số đơn đã giải quyết hết thẩm quyền.

- Đơn khiếu nại, tố cáo đã giải quyết hết thẩm quyền nhưng có chỉ đạo của Thủ tướng xem xét lại; những vụ việc giải quyết hết thẩm quyền, đã rà soát giải quyết và chấm dứt thụ lý theo các Kế hoạch của Thanh tra Chính phủ, của tỉnh nhưng công dân còn khiếu nại, tố cáo.

4.2 Kết quả giải quyết:

4.2.1. Số vụ việc khiếu nại đã giải quyết:

- + Hình thức giải quyết (ban hành quyết định, công văn trả lời).

- + Phân tích kết quả giải quyết: số vụ việc công dân khiếu nại đúng; số vụ việc công dân khiếu nại đúng một phần; số vụ việc công dân khiếu nại sai toàn bộ (tỷ lệ % đối với mỗi loại).

+ Kết quả giải quyết khiếu nại: nêu số liệu cụ thể tài sản đã thu hồi cho nhà nước và cho công dân; xử lý trách nhiệm trong giải quyết khiếu nại;

- Số vụ việc đang giải quyết;

- Số vụ việc chưa giải quyết, lý do của việc chưa giải quyết.

- Số vụ việc đã giải quyết hết thẩm quyền đã, đang kiểm tra, rà soát lại: số vụ việc giải quyết lại; số vụ việc giữ nguyên việc giải quyết; số vụ việc đang kiểm tra, rà soát lại.

- Kết quả tổ chức thực hiện quyết định đã có hiệu lực.

4.2. Số vụ việc tố cáo đã giải quyết:

+ Phân tích kết quả giải quyết: số vụ việc công dân tố cáo đúng; số vụ việc công dân tố cáo đúng một phần; số vụ việc công dân tố cáo sai toàn bộ (tỷ lệ % đối với mỗi loại).

+ Số vụ việc từ khiếu nại không được chuyển sang tố cáo người giải quyết khiếu nại.

+ Kết quả giải quyết tố cáo: nêu số liệu cụ thể tài sản đã thu hồi cho nhà nước và cho công dân; xử lý cán bộ, người bị tố cáo có vi phạm.

- Số vụ việc đang giải quyết;

- Số vụ việc chưa giải quyết, lý do của việc chưa giải quyết

- Kết quả tổ chức thực hiện kết luận giải quyết tố cáo.

5. Đánh giá chung:

+ Đơn, thư khiếu nại, tố cáo tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào, thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp nào.

- Đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo:

+ Về tiếp nhận, thụ lý và thời hạn giải quyết, trả lời;

+ Về việc bảo đảm công khai trong việc kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại;

+ Về việc thực hiện đối thoại khi giải quyết khiếu nại (do người đứng đầu trực tiếp đối thoại hay ủy quyền đối thoại);

+ Việc giữ bí mật thông tin và bảo vệ người tố cáo;

+ Việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại, công khai quyết định giải quyết khiếu nại; kết luận việc giải quyết tố cáo;

+ Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại.

+ Việc xử lý trách nhiệm đối với người thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo.

+ Tính công khai, minh bạch trong giải quyết, thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

II. KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT CÁC VỤ VIỆC KHIẾU NẠI, TỐ CÁO DO BAN DÂN NGUYỆN VÀ CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI, ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI CHUYỂN ĐẾN

1. Về kết quả giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo do các cơ quan của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn Đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội chuyển đến:

- Tổng số đơn nhận được
- Số vụ việc đã giải quyết:
 - + Số vụ việc đang giải quyết;
 - + Số vụ việc chưa giải quyết, lý do của việc chưa giải quyết.
- Đối với vụ việc không thuộc thẩm quyền:
 - + Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ, ngành trung ương nhưng lại chuyển về địa phương;
 - + Số vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan tư pháp nhưng lại chuyển cho cơ quan hành chính;
 - + Số vụ việc đã hết thời hiệu

2. Báo cáo kết quả giải quyết một số vụ việc do Ban Dân nguyện chuyển đến địa phương (có danh sách kèm theo; đề nghị chuẩn bị hồ sơ giải quyết và đại diện cơ quan chức năng có liên quan báo cáo cụ thể tại buổi làm việc).

III. NHẬN XÉT CHUNG

1. Những kết quả đạt được;
2. Tồn tại, hạn chế trong quá trình giải quyết: cơ chế chính sách; tổ chức chỉ đạo, điều hành thực hiện (tổ chức thực hiện kết luận, quyết định có hiệu lực pháp luật); từ phía người dân;
3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế: chủ quan, khách quan
4. Bài học kinh nghiệm rút ra; các giải pháp phòng ngừa, xử lý từ cơ sở và giải pháp tổng thể; công tác hòa giải ở cơ sở; công tác phối hợp của cơ quan tham mưu.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Về hoàn thiện pháp luật (đề nghị nêu cụ thể);
2. Về tổ chức thực hiện pháp luật;
3. Việc xử lý, chuyển đơn và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội.
4. Kiến nghị cụ thể với Ban Dân nguyện về một số vấn đề cần thiết (nếu có)/.

